TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 44/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 12- 8- 2024.
V/v: *Tranh chấp HN và GĐ*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Ngọc
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Vân Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 150/2024/TLST- HNGĐ ngày 20/6/2024 về " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thân Thị Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt);
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1962 (vắng mặt);
Cùng cư trú tại: Tổ dân phố Nh, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là bà Thân Thị Đ trình bày:

Bà và ông Phượng chung sống với nhau từ năm 1989, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà đi hợp tác lao động nước ngoài, vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm. Nhiều lần bà giải thích nhưng ông Ph không tiếp thu. Sau khi bà về nước ông Ph thường xuyên chửi bà, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 10 năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc. Vợ chồng không có tình cảm, không quan tâm đến nhau. Bà ra ngoài ở riêng, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10 năm 2023

đến nay. Từ khi bà ra ở riêng, ông Ph không gọi bà về. Sự việc như vậy hai gia đình không hòa giải.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Ph là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990, Nguyễn Văn L, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành có gia đình và ở riêng. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp: Không có bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Ph là bị đơn trình bày: Ông và bà Đ chung sống với nhau từ năm 1989, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đ đi hợp tác lao động nước ngoài, vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm. Sau khi bà Đ về nước ông khuyên bảo và bàn bạc tìm cách giải quyết nhưng bà Đ bảo thủ không cùng ông giải quyết mâu thuẫn. Từ đó, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 10 năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc. Vợ chồng không có tình cảm, không quan tâm đến nhau. Bà Đ ra ngoài ở riêng, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Từ khi bà Đ ra ở riêng, ông không gọi bà Đ về. Sự việc như vậy hai gia đình không hòa giải.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn bà Đ đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Đ là vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990, Nguyễn Văn L, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành có gia đình và ở riêng. Nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp: Không có ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H: Sau khi tra cứu sổ lưu giữ từ năm 1985 đến nay và hệ thống lưu trữ, không có việc ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1962 và bà Thân Thị Đ, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Tổ dân phố Nh, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn.

Kết quả xác minh tại tổ dân phố Nh, phường Hồ cung cấp: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Thân Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1989, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì sao địa phương không rõ.

Năm 2023 bà Đ về nước vợ chồng chung sống một thời gian thì bỏ ra ngoài sinh sống, không ở với ông Đ, nguyên nhân vì sao địa phương không nắm được. Nay bà Đ có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Thân Thị Đ và ông Nguyễn Văn Ph là vợ chồng.

- *Về án phí*: Bà Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Bà Đ đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng**

*[1.1] Về thẩm quyền***:** Bà Thân Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã V giải quyết ly hôn. Ông Nguyễn Văn Ph cư trú tại: Tổ dân phố Nh, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Bà Thân Thị Đ là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Ph là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Bà Đ và ông Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Thân Thị Đ và ông Nguyễn Văn Ph chung sống với nhau từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là phù hợp với Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không đảm bảo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng hạnh phúc năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đ đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm. Sau khi bà Đ về nước vợ chồng bàn tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 10 năm 2023, nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc. Vợ chồng không có tình

cảm, không quan tâm đến nhau. Bà Đ ra ngoài ở riêng vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Từ khi bà Đ ra ở riêng ông Ph không gọi về. Sự việc vợ chồng như vậy, hai gia đình không hòa giải. Nay bà Đ đề nghị Tòa án không công nhận và Đ và ông là vợ chồng, ông Ph đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng bà Đ và ông Ph mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Nay bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà Đ và ông Ph là vợ chồng, ông Ph đồng ý. Xét thấy, bà Đ và ông Ph chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2001 của Quốc hội " về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình", pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ và ông Ph, căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà Đ và ông Ph là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con tên Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1990, Nguyễn Văn L, sinh năm 1995. Các con chung đã trưởng thành có gia đình và ở riêng. Bà Đ và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản:

[2.3.1] Về tài sản chung: Bà Đ và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3.2] Về tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp: không có, Bà Đ và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3.3] Về ruộng đất nông nghiệp: Ban đầu bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết bà Đ và ông Ph tự phân chia ruộng đất nông nghiệp, bà Đ có đơn xin rút yêu cầu phân chia đất nông nghiệp. Ngày 03 tháng 7 năm 2024 Thẩm phán ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2001 của Quốc hội " về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình"

Căn cứ Khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Thân Thị Đ và ông Nguyễn Văn Ph là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng đất nông nghiệp:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Thân Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003509 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Bà Đ đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án.

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX Việt Yên;
- Chi cục THADSTX V;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường H.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương